

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55 /TB-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

**V/v đề nghị xét công nhận huyện Định Quán
đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Xét đề nghị của UBND huyện Định Quán tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 29/9/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao; UBND tỉnh đã dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (*Dự thảo báo cáo đính kèm*).

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến toàn thể nhân dân, các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong tỉnh được biết. Mọi ý kiến đóng góp, xin gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh*): địa chỉ đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (email: vpdpntm.dongnai@gmail.com).

Trong thời hạn 15 ngày (*kể từ ngày công bố thông báo này trên phương tiện phát thanh, truyền hình và Cổng thông tin điện tử của tỉnh*); UBND tỉnh sẽ tiếp thu, giải trình ý kiến phản hồi, đồng thời tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định.

Giao Đài Phát thanh-Truyền hình Đồng Nai có trách nhiệm công bố nội dung Thông báo này trên phương tiện phát thanh, truyền hình của tỉnh.

Giao Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, giám sát việc thực hiện Thông báo này. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo NN,ND,NT và XDNTM tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/dạng đại 10.01-1016)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Phi

(Dự thảo)

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

Xét đề nghị của UBND huyện Định Quán tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 29/9/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện Định Quán của các sở, ngành tỉnh; UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện Định Quán năm 2023, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 06/10/2023 đến ngày 10/11/2023)

1. Về hồ sơ

UBND huyện Định Quán lập hồ sơ đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 gồm:

- Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 29/9/2023 của UBND huyện Định Quán về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 29/9/2023 của UBND huyện Định Quán về Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;

- Biên bản họp Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện Định Quán ngày 29/9/2023 đề nghị xét, công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn huyện nông thôn nâng cao mới năm 2023;

- Danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện;
- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện Định Quán.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

Với tinh thần chủ động, sáng tạo và quyết tâm chính trị cao nhất, ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ công nhận Định Quán đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2018, cùng với quan điểm “*Xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*” nên huyện Định Quán đã triển khai đồng bộ các giải pháp để duy trì, giữ vững những kết quả đạt được và từng bước nâng chất các tiêu chí nông thôn mới. Trên cơ sở đó đã tạo được nền tảng, điều kiện thuận lợi ban đầu cho thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn. Huyện đã xây dựng, ban hành Nghị Quyết số 03-NQ/HU ngày 05/01/2021 về xây dựng huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về việc hỗ trợ vốn từ ngân sách để đầu tư công trình điện và thực hiện đề án xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn sáng-xanh-sạch-đẹp trên địa bàn huyện giai đoạn 2022-2025. Hàng năm, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, xây dựng kế hoạch độc lập, hoặc phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát các địa phương về tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và có thông báo kết luận, chỉ đạo từng ngành, từng đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.

Với quyết tâm thực hiện mục tiêu huyện Định Quán đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao trong năm 2023. Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức các đợt làm việc với Huyện ủy, UBND huyện nhằm theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để kịp thời chỉ đạo, xử lý; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh cũng đã tổ chức Đoàn liên ngành khảo sát từng xã, thị trấn của huyện để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

3. Huyện Định Quán đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 tại Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ. So với Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay huyện đã đạt 9/9 tiêu chí, 38/38 chỉ tiêu.

4. Về số xã, thị trấn đã đạt chuẩn theo quy định

4.1. Số xã đã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 13 xã
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 13 xã
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 12 xã
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: (12/13) xã đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020; trong đó, có 75% (09/12) xã đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

4.2. Số thị trấn đã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

5. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã

5.1. Về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

UBND huyện đã chỉ đạo các xã xây dựng quy hoạch, gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và tổ chức thực hiện tốt các nội dung theo quy hoạch. Đến nay, huyện đã phê duyệt quy hoạch chung xây dựng 13 xã (trong đó, có quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch). Trong quá trình thực hiện, để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, huyện đã chỉ đạo các xã thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, trong đó có quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã và lập quy hoạch 01 điểm dân cư nông thôn mới. Có 13/13 xã đạt.

5.2. Về giao thông

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” Định Quán đã có chính sách, chủ trương, thu hút nguồn lực phù hợp nên đã huy động được sự tham gia của người dân và toàn xã hội nên phong trào xây dựng giao thông nông thôn phát triển rất cao.

Từ năm 2018 đến nay, hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện đã được thực hiện đầu tư nâng cấp nhựa hoá, bê tông hoá 717 tuyến với tổng chiều dài là 681,40 km, tổng kinh phí thực hiện là 1.152,881 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách 985,93 tỷ đồng, chiếm 85,51%; nhân dân đóng góp là 162,16 tỷ đồng, chiếm 14,06%, nguồn vốn khác (vốn tài trợ) 4,78 tỷ đồng chiếm 0,41%; cụ thể:

- Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: tổng km đường xã đã được nhựa hóa, bê tông hóa là 221,97 km, các tuyến thường xuyên được bảo trì, được lắp đặt các hạng mục cần thiết và đảm bảo duy trì sáng-xanh-sạch-đẹp; có 13/13 xã, đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: 13/13 xã đạt.

- + Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm: đã thực hiện 52,32/61,52 km.

- + Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt 100%.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm: 13/13 xã đạt.

- + Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa: đã thực hiện 117,07/138,17 km.

- + Sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt $\geq 96\%$.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: đã thực hiện 111,86/121,13 km; 13/13 xã đạt.

5.3. Về thủy lợi và phòng chống thiên tai

Việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân sản xuất, giúp tiêu thoát nước kịp thời, tránh tình trạng ngập cục bộ

trong những ngày có lượng mưa lớn. Từ năm 2018 đến nay, đã huy động được 138,6 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, đồng thời thường xuyên duy tu, sửa chữa, bảo trì các công trình thủy lợi. Trên địa bàn các xã có 05 trạm bơm, 02 đập dâng và 01 kênh tiêu phục vụ cho việc tưới, tiêu chủ động, cụ thể:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động: 5.577,61 ha được tưới chủ động, cùng hệ thống kênh tiêu dài 77,488 km phục vụ việc tiêu thoát nước; 13/13 xã đạt.

- Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả bền vững: các xã Phú Túc, Thanh Sơn, Ngọc Định, Phú Tân, Phú Hoà, Phú Vinh đã thành lập Tổ hợp tác dùng nước (tổ chức thủy lợi cơ sở); các tổ hợp tác đều có điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: đạt 57%

- Có 100% công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Đạt

- Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt

- Đảm bảo yêu cầu chủ động và phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Đạt

Hiện có 13/13 xã đạt tiêu chí về Thủy lợi.

5.4. Về điện

Hệ thống điện được thiết kế đảm bảo theo quy định của ngành điện, thường xuyên được kiểm tra và đầu tư, cải tạo lưới điện bằng các nguồn vốn khác nhau như: xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên, xã hội hóa... đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, trực tiếp tới các hộ dân, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. 100% số hộ trên địa bàn các xã có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Đánh giá có 13/13 xã đạt.

5.5. Về giáo dục

- Tỷ lệ các cấp học (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: Toàn huyện có 56 trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và 44 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 13/13 xã duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; được huyện công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS và Đạt chuẩn xóa mù chữ: các xã duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Được huyện công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức 3

và phổ cập giáo dục THCS đạt mức 3, đồng thời được huyện công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. 13/13 xã đạt.

- Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại khá: có 13/13 xã được đánh giá “Đơn vị học tập cộng đồng cấp xã” xếp loại tốt.

- Có mô hình giao dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: 13/13 xã đạt.

5.6. Về văn hóa

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Hiện nay trên địa bàn các xã của huyện Định Quán đã được triển khai lắp đặt 425 dụng cụ thể thao ngoài trời ở 109 điểm công cộng phục vụ nhân dân.

- Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy được đúng giá trị: Trên địa bàn huyện có các di tích được xếp hạng di tích Quốc gia (danh lam thắng cảnh Đá chông; Tượng đài chiến thắng La Ngà); di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh (Đình Định Quán) đều được xây dựng kế hoạch tổ chức tu bổ, tôn tạo theo kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: Toàn huyện có 96/96 ấp đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa.

Huyện Định Quán có 13/13 xã đạt tiêu chí về Văn hoá theo quy định.

5.7. Về cơ sở hạ tầng, thương mại

Huyện có 14 chợ hoạt động, trong đó có 02 chợ loại 2, 12 chợ loại 3. Hệ thống chợ về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn huyện.

13/13 xã đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định.

5.8. Về thông tin và truyền thông

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 13/13 xã có điểm phục vụ bưu chính.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 85.440/100.224 người đạt 85,25%.

- Có dịch vụ báo chí, truyền thông: hệ thống loa đài ở các xã, ấp thường xuyên hoạt động truyền tải thông tin đến người dân.

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội: 13/13 xã đều có cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

- Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng: hiện các xã đã cung cấp mạng wifi miễn phí tại các điểm như trụ sở UBND xã, Trung tâm Văn hóa Thể thao Học tập cộng đồng (VHTTHTCD) xã, Nhà Văn hóa các ấp....

13/13 xã đạt tiêu chí về Thông tin và truyền thông.

5.9. Về nhà ở dân cư

Trên địa bàn huyện không có nhà tạm, nhà dột nát. lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt chuẩn của Bộ Xây dựng đạt 99,12%, tăng 3,97% so với năm 2018. 13/13 xã đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư.

5.10. Về thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 83,834 triệu đồng/người/năm so với năm 2018 là 43,19 triệu đồng/người/năm, tăng 94,1%. Toàn huyện có 9/13 xã đạt tiêu chí về Thu nhập.

5.11. Về hộ nghèo

- Năm 2018 : Tổng số hộ nghèo 1.058 hộ, trong đó số hộ nghèo A: 698 hộ, chiếm tỷ lệ 1,36%.

- Năm 2019 : Tổng số hộ nghèo 1.033 hộ, tong đó số hộ nghèo A: 664 hộ, chiếm tỷ lệ 1,31%.

- Năm 2020 : Tổng số hộ nghèo 653 hộ, tong đó số hộ nghèo A: 270 hộ, chiếm tỷ lệ 1%.

- Năm 2021 : Tổng số hộ nghèo 402 hộ, tong đó số hộ nghèo A: 67 hộ, chiếm tỷ lệ 0,13%.

- Năm 2022 : Tổng số hộ nghèo 906 hộ, tong đó số hộ nghèo A: 571 hộ, chiếm tỷ lệ 1,10% (theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo cả nước).

- Đến 9 tháng đầu năm 2023 : Tổng số hộ nghèo 986 hộ, tong đó số hộ nghèo A: 651 hộ, chiếm tỷ lệ 1,26% (theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 theo chuẩn nghèo tỉnh), trong đó tổng số hộ nghèo A, hộ cận nghèo A theo chuẩn nghèo cả nước 317 hộ, chiếm tỷ lệ 0,61%.

Đánh giá 10/13 xã đạt chỉ tiêu.

5.12. Về lao động

UBND huyện triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách về lao động, việc làm; hỗ trợ phát triển thị trường lao động. Kết quả thực hiện tiêu chí về lao động, cụ thể:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ): từ năm 2018 đến năm 2023, đã đào tạo được 21.487 học viên, đạt 84,9% tỷ lệ lao động áp dụng cả nam và nữ.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ): số học viên được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36,1%.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Tỷ lệ lao động trong ngành nghề chủ lực ở 13 xã đều đạt trên 50%.

13/13 xã đạt tiêu chí về Lao động theo quy định.

5.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định: Đến nay, trên địa bàn huyện có 2 quỹ tín dụng và 37 HTX gồm có: 03 HTX TMDV, 02 HTX ô tô vận tải, 02 HTX tiêu thủ công nghiệp, 01 HTX xây dựng, 03 HTX DVMT và 25 HTX Nông nghiệp và Dịch vụ nông nghiệp với 2.414 thành viên đã góp vốn là 185,568 tỷ đồng.

- Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương có thời hạn: huyện Định Quán đã có 19 sản phẩm được chứng nhận OCOP, bao gồm 1 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 9 sản phẩm 4 sao và 9 sản phẩm 3 sao, hiện đang đánh giá thêm 4 sản phẩm (3 sản phẩm 3 sao, 1 sản phẩm 4 sao). Đến nay đã có 10/13 xã có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn.

- Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: có 13 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm

- Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: huyện Định Quán đã tập trung phát triển Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc.

- Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: có 13/13 xã có sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đều đạt trên 10%.

- Về vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng: Các xã đã hình thành các vùng sản xuất cây trồng chủ lực tập trung. Các vùng sản xuất tập trung cây chủ lực của các xã đã được lập hồ sơ cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc điện tử. Đánh giá 13/13 xã đạt chỉ tiêu.

- Có triển khai quảng bá hình ảnh du lịch của xã thông qua Internet, mạng xã hội: Huyện đã xây dựng chuyên mục du lịch các xã trên trang thông tin điện tử huyện, thường xuyên cập nhật thông tin về các điểm du lịch của các xã lên chuyên mục du lịch trang thông tin điện tử huyện và qua các Website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội. Đánh giá 13/13 xã đạt chỉ tiêu.

- Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị: trên địa bàn các xã đều tổ chức xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử để quảng bá, giới thiệu du lịch (đạt tỷ lệ 100%).

- Xã có ít nhất nhãn hiệu hàng hóa: Huyện đã hỗ trợ xây dựng được 31 nhãn hiệu hàng hóa cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn huyện, tăng 18 nhãn hiệu so với năm 2018. Đạt chỉ tiêu mỗi xã có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận.

Có 10/13 xã đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

5.14. Về y tế

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: đạt 95,2%

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: đạt 92,42%

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa: Hiện nay, các xã, thị trấn đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền đến người dân về ứng dụng khám, chữa bệnh từ xa.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: đạt 90,02%.

Có 13/13 xã đạt tiêu chí về Y tế.

5.15. Về hành chính công

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Huyện đã triển khai, ứng dụng phần mềm Egov trong giải quyết thủ tục hành chính tại cấp huyện và cấp xã từ năm 2014 đến nay.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: UBND huyện đã triển khai thực hiện đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã, cụ thể toàn huyện có 498 thủ tục.

- Giải quyết thủ tục hành chính, không để xảy ra khiếu kiện vượt cấp: UBND các xã luôn đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định, hạn chế tình trạng trễ hạn, duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn luôn được duy trì ở mức trên 98%.

Huyện Định Quán có 13/13 xã đạt tiêu chí về Hành chính công theo quy định.

5.16. Về tiếp cận pháp luật

- Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Hiện nay 13/13 xã được UBND huyện công nhận có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả.

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Trong năm 2022, chỉ có 09/13 xã có tỉ lệ hòa giải thành đạt từ 90% trở lên.

- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: 13/13 xã đều thực hiện tốt, đạt tỉ lệ 100%.

Có 9/13 xã đạt tiêu chí về Tiếp cận pháp luật theo quy định.

5.17. Về môi trường

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm) nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: huyện Định Quán có quy hoạch 10 khu chăn nuôi tập trung, tuy nhiên chỉ có khu chăn nuôi tập trung xã Phú Ngọc đưa vào sử dụng, ngoài ra còn có 65 trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ, 10.574 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn 14 xã, thị trấn. Hầu hết các khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi và giết mổ trên địa bàn các xã đều thực hiện đạt yêu cầu tiêu chí. Trên địa bàn huyện không có khu nuôi trồng thủy sản.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất- kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đánh giá 13/13 xã đạt chỉ tiêu.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý theo quy định: Tổng khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trên toàn địa bàn huyện khoảng 110 tấn/ngày, trong đó khối lượng chất thải sinh hoạt được thu gom và đưa về Nhà máy xử lý rác Định Quán khoảng 102 tấn/ngày để xử lý bằng phương pháp đốt và sản xuất phân hữu cơ vi sinh (tỷ lệ chôn lấp dưới 15%); đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp. Toàn huyện có 51.290/51.290 hộ (100%) các hộ dân có nhà tiêu tự hoại 3 ngăn và có hố ga, bể lắng xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hố ga, bể lắng được nạo vét thường xuyên.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn/tổng số hộ dân: 38.000 hộ/51.920 hộ đạt tỷ lệ 73,2%.

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh đều có hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Còn lại, chất thải nguy hại phát sinh từ dân sinh được thu gom, tập kết tại các điểm thu hồi chất thải nguy hại đặt tại các nhà văn hoá ấp, sau đó thu gom, đưa về nhà chứa CTNH tại xã Túc Trung và bàn giao cho Tổng công ty Sonadezi xử lý cùng với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: đạt trên 93%.

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường: Đánh giá 13/13 xã đạt chỉ tiêu.

- Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đánh giá 13/13 xã đạt chỉ tiêu.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Tất cả các nghĩa trang trên địa bàn huyện đều được đầu tư theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Tổng số nhân khẩu trên địa bàn huyện là 185.157 người. Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn thực tế trong các công trình của huyện là 796.243m². Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người là 4,3m²/người.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Đánh giá 13/13 xã đạt chỉ tiêu.

5.18. Về chất lượng môi trường sống

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: tổng số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 44.184 hộ/51.920 hộ đạt tỷ lệ 85,1%, trong đó tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện là 24.975 hộ đạt 48,1% tổng số hộ toàn huyện. Số hộ sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đạt 100%.

- Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày/đêm: Trên địa bàn huyện Định Quán hiện đang sử dụng nước sạch từ 13 công trình cấp nước tập trung với sản lượng nước trung bình ngày đạt 16.313m³. Lượng nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày/đêm đạt 88,1 lít.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: toàn huyện hiện có 13 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động.

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: trên địa bàn các xã không có phát sinh vụ việc vi phạm, sự cố về an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: mưu UBND huyện cấp giấy an toàn thực phẩm cho 216/216 cơ sở sản xuất thực phẩm có đăng ký kinh doanh, đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch: Toàn huyện có 51.920 hộ/51.920 hộ (đạt 100%) có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch.

- Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên địa bàn huyện có Công ty Cổ phần Năng lượng môi trường Đồng Nai thực hiện việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt; chất thải tro còn lại sau khi đốt được công ty chôn lấp tại các Khu chôn lấp đúng quy định.

Huyện Định Quán có 9/13 xã đạt tiêu chí về Chất lượng môi trường sống theo quy định

5.19. Về quốc phòng và an ninh

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân: Trên địa bàn huyện 100% xã có Ban chỉ huy Quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định; xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên do cố ý và bản án có hiệu lực; có mô hình camera an ninh và các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, cháy, nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả: Tình hình ANTT địa bàn các tiếp tục được giữ vững, ổn định; các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hoá được đảm bảo an toàn; không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, gây rối an ninh trật tự, tranh chấp, khiếu kiện kéo dài phức tạp...

Huyện Định Quán có 13/13 xã đạt tiêu chí về Quốc phòng và an ninh theo quy định của tỉnh và trung ương.

6. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

6.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.

- Chỉ tiêu 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Quán đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND huyện lập trình Sở Xây dựng chủ trì thẩm định và đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt vào năm 2019. Trong đó có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn, cụ thể như sau: Cụm công nghiệp Phú Túc với quy mô 50 ha phục vụ cho chế biến nông, lâm, thủy sản; Cơ sở sơ chế và bảo quản nông sản tại xã Thanh Sơn với quy mô khoảng 2,53 ha phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

- Chỉ tiêu 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cơ bản đã được hình thành theo định hướng quy hoạch chung được phê duyệt: các tuyến đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp nước tập trung, hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn, các nghĩa trang và hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Bệnh Viện Đa khoa khu vực Định Quán, 14 trạm y tế xã, nhà thi đấu đa năng của huyện, sân vận động huyện, 14 trung tâm văn hoá thể thao học tập cộng đồng xã, 69 trường học, 14 chợ, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên 17/3... được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.2. Tiêu chí số 2 về giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Hệ thống giao thông đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa: Đạt

- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 100%

- Chỉ tiêu 2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại III trở lên: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Hệ thống giao thông đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.

Hiện nay, 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa; tỷ lệ mặt đường được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%. Các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ thường xuyên đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp nên thuận tiện cho việc tham gia giao thông của người và phương tiện, thuận tiện cho giao thương và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

Trong giai đoạn 2018-2023, UBND huyện đã thực hiện việc bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường huyện hàng năm theo quy định với tổng chiều dài khoảng 255,91 km, tổng kinh phí thực hiện 152,5 tỷ đồng. Đồng thời, lắp đặt cọc tiêu, sơn kẻ đường, thay thế biển báo giao thông trên các tuyến đường huyện quản lý theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường huyện được UBND huyện quan tâm thực hiện đầu tư cũng như được Ban an toàn giao thông tỉnh hỗ trợ đầu tư từ ngân sách tỉnh kết hợp đầu tư từ nguồn xã hội hóa theo Đề án xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp trên địa bàn huyện đã đảm bảo an toàn cho các phương tiện lưu thông vào ban đêm.

- Chỉ tiêu 2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.

Theo Quy hoạch vùng huyện Định Quán được phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Định Quán, huyện Định Quán đến năm 2030 đã được Hội Đồng Thẩm định Quy hoạch xây dựng tỉnh Đồng Nai đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thì trên địa bàn huyện không có quy hoạch bến xe trung tâm huyện.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.3. Tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu tiêu chí

- Chỉ tiêu 3.1 Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số

- Chỉ tiêu 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện: Đạt

- Chỉ tiêu 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ tiêu 3.1 Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số

Trong những năm qua, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện đã quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả, bền vững các công trình thủy lợi, trạm bơm, kênh mương, cống, đập,... Công tác quản lý, khai thác, vận hành đảm bảo theo phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phê duyệt. UBND các xã đều thành lập Tổ hợp tác dùng nước và quy chế hoạt động, phân công vận hành, điều tiết nước. Hằng năm, hoạt động kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi luôn được quan tâm triển khai đánh giá tại hai thời điểm trước và sau mùa mưa bão đảm bảo an toàn, hệ thống vận hành điều tiết nước đạt tiêu chuẩn quy định trước mùa mưa bão. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số, đánh giá được 82 điểm, đạt mức: Tốt

- Chỉ tiêu 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện

Trong những năm qua, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo UBND các xã tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân kiểm soát, xử lý nguồn nước thải từ sinh hoạt, hoạt động sản xuất chăn nuôi và các hoạt động kinh doanh cũng như nuôi trồng thủy sản trước khi thải ra môi trường. Đến nay, trên địa bàn huyện chưa xảy ra vi phạm về nguồn nước xả thải vào các công trình thủy lợi.

- Chỉ tiêu 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão. Xác định phòng, chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Nội dung phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại, đánh giá được 89 điểm, đạt mức: Tốt

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.4. Tiêu chí số 4 về điện

a) Yêu cầu tiêu chí: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hệ thống điện trên địa bàn huyện Định Quán được đầu tư phù hợp với quy hoạch đảm bảo đủ nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025.

Về độ tin cậy cấp điện, ổn định: Khả năng của hệ thống đường dây, trạm biến áp cung cấp đầy đủ và liên tục điện năng phục vụ sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn, với chất lượng điện năng (điện áp và tần số) đảm bảo.

Về an toàn điện, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan: Hệ thống đường dây trung thế, hạ thế được phát quang thường xuyên, đảm bảo khoảng cách an toàn lưới điện theo quy định; Hệ thống điện đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo các thông số quy định về hệ thống điện phân phối, đảm bảo phù hợp với tình trạng và yêu cầu của hệ thống điện các xã về nhu cầu truyền tải điện năng, kết nối giữa các hệ thống, sự phù hợp về kỹ thuật của ngành điện và theo quy hoạch.

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn huyện có 51.920 hộ/51.920 hộ đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 95\%$.

- Chỉ tiêu 5.2. Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.

- Chỉ tiêu 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả

- Chỉ tiêu 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

- Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 2).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 95\%$.

Hiện nay, tỷ lệ bao phủ BHYT toàn huyện 176.269 người/185.157 người đạt 95,2 % theo yêu cầu của tiêu chí.

- Chỉ tiêu 5.2. Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.

Hiện tại Trung tâm huyện có Công viên 17/3 (diện tích 25.326 m²) thuộc địa bàn thị trấn Định Quán; công viên là nơi tổ chức và diễn ra nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao ngoài trời, là điểm vui chơi giải trí của nhân dân, tại đây được lắp đặt 15 dụng cụ tập luyện thể thao phục vụ nhân dân tập thể dục thể thao, ngoài ra khuôn viên được chỉnh trang với các mảng cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng phục vụ nhân dân đến vui chơi và tập luyện thể thao.

- Chỉ tiêu 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.

Trên địa bàn huyện hiện có các di tích xếp hạng di tích Quốc gia (danh lam thắng cảnh Đá chông; Tượng đài chiến thắng La Ngà); di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh (Đình Định Quán) được quan tâm bảo vệ và phát huy giá trị di tích danh thắng, hàng năm được quản lý tu bổ và tôn tạo, thường xuyên thực hiện vệ sinh, xử lý môi trường, ẩm ướt. Các di tích còn thường xuyên tổ chức các hoạt động đón tiếp các đoàn khách tham quan, các hoạt động về nguồn, giáo dục truyền thống góp phần tôn vinh giá trị di sản cũng như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa di tích.

- Chỉ tiêu 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đến nay, huyện Định Quán đã có 06/06 trường THPT công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 chiếm tỷ lệ 100%. Trong đó, Trường THPT Định Quán đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 2).

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện có cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng với nhu cầu và quy mô hoạt động dạy và học hiện nay. Cơ sở vật chất của trung tâm được bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hằng năm, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng tối thiểu của cán bộ, viên chức, nhân viên và học viên cũng như các hoạt động của trung tâm. Đến nay, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí.

6.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.

- Chỉ tiêu 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến: Đạt

- Chỉ tiêu 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2, hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định: Đạt

- Chỉ tiêu 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả: Đạt

- Chỉ tiêu 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.

Trên địa bàn huyện có 03 Cụm Công nghiệp Phú Cường với diện tích 44,459 ha, hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, có 06/8 dự án đang hoạt động và 02 đang xây dựng nhà xưởng. Tỷ lệ lấp đầy đạt 74,3%.

- Chỉ tiêu 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến.

Toàn huyện có 11/13 xã có vùng trồng tập trung đối với cây chủ lực với tổng số vùng trồng trên địa bàn huyện đã được cấp mã số vùng trồng với tổng diện tích đã được cấp mã số vùng trồng xuất khẩu là 5.938,21 ha trên các loại cây trồng gồm xoài, sầu riêng, chuối, chanh; 100% diện tích được lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm.

- Chỉ tiêu 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2, hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định.

Có 02 chợ hạng 2 gồm Chợ trung tâm thị trấn Định Quán và Chợ Phú Lợi. Chợ được xây dựng đảm bảo kiên cố, có nội quy hoạt động được phê duyệt. Chợ được đấu nối hệ thống điện, hệ thống nước máy đảm bảo an toàn; có phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh; có hệ thống thoát nước đảm bảo không ngập úng; có phương án chữa cháy được Công an huyện phê duyệt. Các hộ tiểu thương trong chợ thực hiện nghiêm ngặt các quy định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ...

- Chỉ tiêu 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 về việc Phê duyệt Đề án định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025, trong đó định hướng các cây

trồng chủ lực của huyện huyện giai đoạn 2021 - 2025, với các sản phẩm chủ lực cấp huyện gồm: lúa, bắp, rau các loại, xoài, sầu riêng, bưởi, chuối, heo, gà và các sản phẩm OCOP.

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 6/01/2022, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 12/2/2023 về thực hiện đề án định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn huyện Định Quán giai đoạn 2021-2023 trong năm 2022, 2023 trong đó triển khai đồng bộ thực hiện hỗ trợ phát triển các trồng các vùng sản xuất cây trồng chủ lực, xây dựng mã số vùng trồng cho các vùng sản xuất cây trồng chủ lực, triển khai mô hình liên kết sản xuất, mô hình thực hiện sản xuất nông nghiệp tốt GAP và các sản phẩm OCOP.

- Chỉ tiêu 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đạt

UBND huyện đã xây dựng chuyên mục du lịch trên trang thông tin điện tử của UBND huyện, lập Fanpage du lịch của huyện trên mạng xã hội để đăng tải các bài viết, thông tin, hình ảnh về tình hình phát triển du lịch của huyện; đồng thời phối hợp với Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai để quảng bá về du lịch.

Thường xuyên thực hiện các bài viết/clip giới thiệu quảng bá về điểm đến du lịch, di tích, làng nghề, hệ thống lưu trú..., những địa điểm có cảnh quang đẹp, các sản phẩm quà tặng - sản phẩm OCOP - nông sản địa phương... kèm hình ảnh và các thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên hệ, các loại...hàng năm có khoảng 50 bài viết, chuyên mục, video về hình ảnh du lịch Định Quán trên các phương tiện truyền thông.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: $\geq 95\%$

- Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%

- Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: $\geq 80\%$.

- Chỉ tiêu 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: $\geq 70\%$

- Chỉ tiêu 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: $\geq 50\%$

- Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: $\geq 4m^2/người$.

- Chỉ tiêu 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: Đạt.

- Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 85\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ tiêu 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định.

Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn: 110 tấn/ngày. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý: 110 tấn/ngày, đạt tỷ lệ: 100%. Trong đó: Đưa về xử lý rác thải tại Công ty Cổ phần Năng lượng Môi trường Đồng Nai bình quân: 98 tấn/ngày (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân trên địa bàn và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện); Người dân tự thu gom và xử lý: 8 tấn/ngày; Khối lượng chất thải tái chế được người dân tự thu hồi: 4 tấn/ngày.

Chất thải rắn không nguy hại: Tổng khối lượng chất thải không nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 1.266 tấn/ngày (khoảng 461.998 tấn/năm) phát sinh chủ yếu từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất và xây dựng, cụ thể: 100% chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ các KCN, từ các cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, vận chuyển; 96,4% phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý.

- Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 5 tấn/năm. Chất thải bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh rải rác trên toàn địa bàn 14 xã, thị trấn với tổng khối lượng khoảng 10 tấn/năm. Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt của người dân trên địa bàn huyện được thu hồi tại các điểm thu hồi chất thải nguy hại trên địa bàn huyện với khối lượng khoảng 02 tấn/năm.

100% chất thải nguy hại từ khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, trang trại chăn nuôi được hợp đồng với các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được người dân tự tập kết tại các bể chứa bao gói lắp đặt trên toàn huyện. Chất thải nguy hại dân sinh được người dân tập kết tại các điểm thu hồi chất thải nguy hại trên địa bàn.

- Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: $\geq 80\%$.

- Chỉ tiêu 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Tỷ lệ hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 70,3%. Trong đó có chất thải tái chế là được phân loại triệt để 100% bắt đầu từ nguồn phát sinh, đến các giai đoạn trung gian trước khi đưa vào quy trình xử lý sau cùng là đốt.

- Chỉ tiêu 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp.

Nước thải từ các hộ gia đình trên địa bàn huyện được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn (công trình thiết bị xử lý tại chỗ) 51.920/51.920 hộ đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường, được thu gom tại các mương thoát nước và theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.

Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn cho 01 người là $4,3 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Chỉ tiêu 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện. Huyện Định Quán không có làng nghề.

- Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Tổng khối lượng chất thải nhựa trên địa bàn toàn huyện được thu gom xử lý bằng biện pháp phân loại và bán cho nhiều đơn vị thu mua phế liệu đóng trên địa bàn huyện và ngoài huyện, tỷ lệ đạt 100%, không có tình trạng chất thải nhựa được thải bỏ tại các khu vực công cộng, kênh mương, môi trường đất, cũng như chôn lấp trên địa bàn huyện.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 48%

- Chỉ tiêu 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 80 lít

- Chỉ tiêu 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 40\%$

- Chỉ tiêu 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường: ≥ 01 mô hình.

- Chỉ tiêu 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

- Chỉ tiêu 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%

- Chỉ tiêu 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 100%

- Chỉ tiêu 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện: Không

- Chỉ tiêu 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh: Có.

b) Kết quả thực hiện:

- Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

Tổng số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 44.184 hộ/51.920 hộ đạt tỷ lệ 85,1%, trong đó tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện là 24.975 hộ đạt 48,1% tổng số hộ toàn huyện. Số hộ sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đạt 100%.

- Chỉ tiêu 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.

Trên địa bàn huyện Định Quán hiện đang sử dụng nước sạch từ 13 công trình cấp nước tập trung với sản lượng nước trung bình ngày đạt 16.313 m³. Lượng nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm đạt 88,1 lít.

- Chỉ tiêu 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

Toàn huyện hiện có 13 công trình cấp nước tập trung hiện đang hoạt động. Các công trình đều có tổ chức quản lý và khai thác hoạt động bền vững đạt 100%.

- Chỉ tiêu 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường.

Đập Cầu Ván từ trước tới nay được biết đến chỉ là một đập có khả năng lưu chứa nước phục vụ cho tưới tiêu, sau quá trình thực hiện tôn tạo, phục hồi, chỉnh trang, phát quang, dọn dẹp vệ sinh, đến nay diện mạo đập Cầu Ván đã có nhiều thay đổi, vừa là nơi phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa mang lại giá trị tinh thần cho người dân khi được ngắm cảnh, câu cá, tập thể dục....

- Chỉ tiêu 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Hàng năm, UBND đều xây dựng kế hoạch ra quân dọn dẹp cảnh quan định kỳ mỗi tháng, quý, trồng cây xanh, hoa, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, camera an ninh trên các tuyến đường... Hầu hết các tuyến huyện, xã đều đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp, an toàn.

- Chỉ tiêu 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Sau khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh, các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn đã được hướng dẫn tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, chủ động làm hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc thực hiện cam kết theo đúng quy định đạt 100%.

- Chỉ tiêu 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 15/15 cán bộ đạt 100%.

- Chỉ tiêu 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện.

Công tác quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Kết quả trong năm 2022 và 2023, trên địa bàn huyện không có phát sinh vụ việc vi phạm, sự cố về an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh.

Xã Phú Hòa được UBND huyện Định Quán chọn làm xã để triển khai xây dựng mô hình “xã, ấp thông minh” trên địa bàn huyện.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.9. Tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự - Hành chính công

a) Yêu cầu tiêu chí

- Chỉ tiêu 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao: Đạt.

- Chỉ tiêu 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 4

b) Kết quả thực hiện

- Chỉ tiêu 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.

Hàng năm, Huyện ủy Định Quán, Ủy ban nhân dân huyện Định Quán đều ban hành Nghị quyết và Kế hoạch về công tác an ninh, trật tự để chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ theo tình hình thực tế địa phương, chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Định Quán luôn được đảm bảo, giữ vững, không để xảy ra tình huống đột xuất, bất ngờ; các vụ việc, khiếu kiện và số vụ án, tội phạm hình sự năm sau giảm hơn so với năm trước.

- Chỉ tiêu 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 4

Tổng số dịch vụ công thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của huyện là: 322 TTHC. Số dịch vụ công được công khai trên hệ thống một cửa điện tử của tỉnh: 322 TTHC, trong đó: Cung cấp dịch vụ công ở mức độ 4 (Trực tuyến toàn trình): 163 TTHC, đạt 50,62%; Cung cấp dịch vụ công ở mức độ 3 (Trực tuyến một phần): 124 TTHC, đạt 9,01%; Cập nhật trên hệ thống một cửa điện tử ở mức độ 2: 130 TTHC, chiếm 40,37%. 100% thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

7. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm báo cáo, huyện Định Quán không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

8. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

8.1. Quan điểm và mục tiêu chủ yếu

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, đồng bộ trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh; gắn chặt với quy hoạch vùng huyện được phê duyệt nhằm phát triển nông thôn mới trong một không gian hài hòa, bền vững.

- Xây dựng, phát triển nông thôn mới gắn chặt với thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường văn hóa được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và

tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- **Xây dựng nông thôn mới** đảm bảo theo định hướng quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, môi trường và các dịch vụ xã hội phù hợp với định hướng đô thị hóa; từng bước chuẩn bị cho việc hình thành đô thị nông thôn, nhằm tránh lãng phí nguồn lực đầu tư.

8.2. Nội dung, giải pháp

Căn cứ vào mục tiêu xác định, huyện Định Quán đề ra một số nội dung, giải pháp chủ yếu nâng chất các tiêu chí nông thôn mới nâng cao như sau:

a) Tiêu chí về quy hoạch

Triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, trong đó, có quy hoạch chi tiết khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

b) Tiêu chí về giao thông

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn huyện, đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông đảm bảo duy trì, giữ vững tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, từng bước thực hiện huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Tiêu chí về thủy lợi và phòng chống thiên tai

Đầu tư, nâng cấp khai thác tốt các công trình thủy lợi hiện có, bố trí vốn ngân sách huyện và tranh thủ ngân sách tỉnh, các nguồn vốn vay để đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đảm bảo tưới cho cây trồng chủ lực và vùng chuyên canh của huyện.

d) Tiêu chí về điện

Huy động các nguồn lực xã hội hóa để tiếp tục xây dựng, cải tạo lưới điện, nâng cấp, xây mới các trạm biến áp, mở rộng thêm đường dây hạ thế, trung thế đảm bảo cung cấp nguồn điện ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho các vùng chuyên canh, vùng sâu, vùng xa. Phân đấu 100% hộ dân được sử dụng điện sản xuất và sinh hoạt; thu hút nhà đầu tư các dự án phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các dự án thủy điện cột nước thấp trên địa bàn huyện.

e) Tiêu chí về y tế - văn hóa - giáo dục

- Về y tế

Gắn sát với yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đầu tư cơ sở vật chất, thuốc, trang thiết bị công nghệ cao, vật tư, hóa chất cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn huyện; song song với thực hiện tốt công tác đào tạo; đồng thời, phát huy hiệu quả các chính sách về thu hút nhân tài, bác sỹ có chuyên môn cao về phục vụ lâu dài trên địa bàn huyện, từng bước xây dựng Trung tâm y tế huyện thành bệnh viện hạng 2 của tỉnh.

Tăng cường vận động người dân tham gia Bảo hiểm y tế tự nguyện, tăng cường hoạt động các đại lý thu BHYT, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân dễ dàng tham gia bảo hiểm y tế. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chi bảo hiểm

y tế để kịp thời ngăn chặn lạm chi tiền bảo hiểm y tế, góp phần phát triển bảo hiểm y tế bền vững.

- Về văn hóa

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kết luận số 501-KL/TU ngày 15/6/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Phát động phong trào thi đua đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm VH-TT-HTCĐ xã, Nhà văn hóa ấp; phát động phong trào toàn dân tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT. Trong đó chú trọng phát huy giá trị các loại hình văn hóa truyền thống, xây dựng, tiếp tục chỉnh trang mới, hình thành các khu vui chơi tập luyện các môn thể thao đơn giản tại các thiết chế văn hóa, khu vực công viên công cộng.

Tiếp tục trang bị thêm các dụng cụ tập luyện thể thao đơn giản phục vụ các đối tượng nhân dân (trẻ em, thanh niên, người cao tuổi...), khuyến khích các đội nhóm VHVN, TDTT tự phát vào hoạt động trong thiết chế văn hóa từ huyện đến các xã, thị trấn, ấp, khu phố. Có hình thức vận động xã hội hóa để duy trì các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên. Kêu gọi cá nhân, tổ chức có nguồn lực đầu tư các dịch vụ VH, TT vào Trung tâm VH-TT huyện, xã, có cơ chế ưu đãi và quản lý các hoạt động theo quy định pháp luật.

Thường xuyên kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa chấp hành, tuân thủ các quy định pháp luật; Phối hợp với các ngành chức năng của huyện nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào xây dựng gia đình văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới.

- Về giáo dục

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện và huy động các nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gắn với các phong trào thi đua của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Sắp xếp, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và trình độ lý luận chính trị.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, xem đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng và kết quả học tập, phát huy sự năng động và sáng tạo của giáo viên trong giảng dạy, chú trọng công tác tập huấn nhằm trang bị cho giáo viên về kiến thức và kỹ năng dạy học tích hợp trong nhà trường.

Củng cố và nâng cao chất lượng những trường đã đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục gắn với việc thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Rà soát thực trạng tình hình cơ sở vật chất đối chiếu với các quy định tại thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/05/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp

học; Thông tư số 14/2020/TT - BGDDT, ngày 26/05/2020 của Bộ GD-ĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông và các văn bản hiện hành, xây dựng kế hoạch sửa chữa, xây dựng phòng chức năng còn thiếu để đảm bảo các yêu cầu kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo quy định.

g) Tiêu chí về kinh tế

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thực chất, hiệu quả, bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, thị trường tiêu thụ sản phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; phát triển du lịch sinh thái, du lịch môi trường rừng, nông lâm kết hợp để phát huy tiềm năng lợi thế của huyện. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Rà soát điều chỉnh kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng, cơ cấu lại các vùng sản xuất và diện tích sản xuất các loại cây trồng, đảm bảo lợi thế cạnh tranh về điều kiện thổ nhưỡng cho từng loại cây trồng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản; chuyển đổi linh hoạt giữa trồng cây lương thực và cây thực phẩm, cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả; nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ.

Tiếp tục tạo môi trường, động lực phát triển mạnh công nghiệp, trong đó coi công nghiệp chế biến là khâu đột phá, nhất là chế biến nông sản thực phẩm. Phát triển công nghiệp chế biến toàn diện ở các ngành hàng đặc biệt là sơ chế, bảo quản, đóng gói... tạo ra nhiều sản phẩm chế biến tinh và sâu; tập trung phát triển công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp; phát triển dịch vụ; công nghiệp, thực sự thúc đẩy trở lại cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cư dân nông thôn. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn. Chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch; thông tin kịp thời các cam kết quốc tế và sự thay đổi chính sách của các thị trường nhập khẩu. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Phát triển đa dạng các ngành nghề khu vực nông thôn, quan tâm thực hiện tốt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); gắn với việc tạo việc làm, giải quyết lao động. Phát triển nông nghiệp gắn với phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

h) Tiêu chí về môi trường

Tổ chức và duy trì hiệu quả kết quả đăng ký thu gom rác thải sinh hoạt, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đồng bộ từ khâu phát sinh, thu gom đến vận chuyển và xử lý theo Kế hoạch số 85/KH-UBND về việc tổ chức triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn năm 2023 trên địa bàn huyện, để tiếp tục thực hiện theo Chỉ thị 54-CT/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch 5973/KH-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2020 - 2025; Công văn số 10777/UBND-KTN ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Gắn với thực hiện kinh tế tuần hoàn, xây dựng phương án khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông. Lòng ghép cùng các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước Thế giới, ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn và các sự kiện môi trường trong năm; cùng với các phong trào thi đua xây dựng Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, Khu dân cư kiểu mẫu, Tổ nhân dân kiểu mẫu để thu hút người dân tham gia các hoạt động dân vận, ra quân trồng cây xanh trên tuyến đường, nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, thu gom rác, chỉnh trang khuôn viên nhà cửa,...; thúc đẩy xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường kiểu mẫu tại địa phương, phát huy tốt vai trò Tổ tự quản môi trường trong công tác dân vận, nâng cao nhận thức của người dân trong công tác chỉnh trang khuôn viên nhà cửa, tạo sự đoàn kết toàn dân, thực hiện nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn từng xã và toàn huyện.

i) Tiêu chí về chất lượng môi trường sống

Tăng cường công tác quản lý công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, hướng toàn bộ sản phẩm đến an toàn cho người tiêu dùng.

k) Tiêu chí về an ninh, trật tự - Hành chính công

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo giải quyết ngay từ tại cơ sở các vụ tranh chấp khiếu kiện, không để phát sinh phức tạp, kéo dài; chủ động phòng ngừa phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với đối tượng khủng bố, phản động, chống đối cực đoan lợi dụng các vấn đề phức tạp

liên quan đến tôn giáo dân tộc, các vấn đề xã hội kích động lôi kéo tụ tập đông người gây phức tạp về an ninh trật tự ở địa bàn nông thôn, bảo đảm an ninh nội địa.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

- Hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới đã được UBND huyện hoàn thành đầy đủ, đúng trình tự, đủ thủ tục và hồ sơ được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, thẩm tra, đánh giá đảm bảo theo đúng quy định của Quyết định 18/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đạt yêu cầu so với quy định của Trung ương.

2. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

2.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 13 xã.

- Số xã đạt được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 13 xã.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

- Số xã đạt được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025: 09/13 xã.

2.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01

- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01

- Tỷ lệ thị trấn đã chuẩn đô thị văn minh: 100% (01/01).

3. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã

- Về quy hoạch: 13/13 xã đạt.

- Về giao thông: 13/13 xã đạt.

- Về thủy lợi và phòng, chống thiên tai: 13/13 xã đạt.

- Về điện: 13/13 xã đạt.

- Về giáo dục: 12/13 xã đạt.

- Về văn hoá: 13/13 xã đạt.

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 13/13 xã đạt.

- Về thông tin và truyền thông: 13/13 xã đạt.

- Về nhà ở dân cư: 13/13 xã đạt.

- Về thu nhập: 09/13 xã đạt.

- Về nghèo đa chiều: 10/13 xã đạt.

- Về lao động: 13/13 xã đạt.

- Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: 10/13 xã đạt.

- Về y tế: 13/13 xã đạt.

- Về hành chính công: 13/13 xã đạt.

- Về tiếp cận pháp luật: 13/13 xã đạt

- Về môi trường: 09/13 xã đạt.

- Về chất lượng môi trường sống: 09/13 xã đạt.

- Về quốc phòng an ninh: 13/13 xã đạt.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao: Huyện Định Quán đạt 9/9 tiêu chí, 38/38 chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao: Huyện Định Quán không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả thực hiện, đối chiếu với Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 18/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan. UBND tỉnh Đồng Nai kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xét công nhận huyện Định Quán đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối CTXD NTM tỉnh;
- Lưu: VT, KTN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Phi

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Đã có quy hoạch
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Có công trình
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100% (129/129 km)
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥ 50%	100%
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Có bến xe khách
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của các hệ thống	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động – thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	$\geq 60\%$	Đạt
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Đạt
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp được được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Đạt
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động có hiệu quả	Đạt	Có
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	100%
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	$\geq 40\%$	71,22 (41933/58875)%
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	có
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	có

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	4,1 m ²
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	100%
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	100%
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 34\%$	68%
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$	100%
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.	Đạt	Có
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%
9	Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Đạt
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Có (279 hồ sơ mức độ 4)
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày/...../2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Đạt
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt		Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%	100%	100%
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Đạt
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	Khá
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	≥95%	≥95%
		5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Đạt
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả		Đạt	Đạt
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	Cấp độ 2	Cấp độ 2
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
		6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥95%	≥95%	≥95%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%	≥80%
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥70%	≥70%	≥70%
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥50%	≥50%	≥50%
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /ngư ời	≥4m ² /ng ười	≥4m ² /ng ười
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Đạt
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	≥85%	≥85%
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥48%	≥48%	≥48%
		8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥80 lít	≥80 lít	≥80 lít
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥40%	≥40%	≥40%
		8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥01 mô hình	≥01 mô hình	≥01 mô hình
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm	100%	100%	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện
		bảo an toàn thực phẩm			
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	100%	100%
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	Không	Không
		8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đạt	Đạt
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	Mức độ 4	Mức độ 4

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO CỦA HUYỆN ĐỊNH QUÁN

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Ghi chú
1	Xã Phú Túc	2018	151/QĐ-UBND ngày 15/01/2019	UBND tỉnh	Về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2018	2019	
2	Xã Phú Vinh	2019	215/QĐ-UBND ngày 20/01/2020		Về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019	2020	
3	Xã Phú Cường	2020	2686/QĐ-UBND ngày 03/8/2020		Về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020	2020	
4	Xã Phú Lợi	2020	858/QĐ-UBND ngày 15/3/2021			2021	
5	Xã Ngọc Định	2020	858/QĐ-UBND ngày 15/3/2021			2021	
6	Xã Suối Nho	2020	858/QĐ-UBND ngày 15/3/2021			2021	
7	Xã Phú Tân	2021	3616/QĐ-UBND ngày 29/9/2021		Về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021	2021	
8	Xã Phú Hòa	2021	26/QĐ-UBND ngày 05/01/2022			2022	
9	Xã La Ngà	2021	169/QĐ-UBND ngày 18/01/2022			2022	
10	Xã Gia Canh	2021	169/QĐ-UBND ngày 18/01/2022			2022	
11	Xã Phú Ngọc	2022	3039/QĐ-UBND ngày 08/11/2022		Về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022	2023	
12	Xã Túc Trưng	2022	3039/QĐ-UBND ngày 08/11/2022			2023	